

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ
Số:-BTC/KHCHN-VCL/.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCHN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về việc quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3558/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-BTC ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTC ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính

Do Ông/Bà: làm đại diện

- Chức vụ: Viện trưởng, Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính
- Địa chỉ: Số 65 Văn Miếu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội
- Số thẻ căn cước: cấp ngày tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Điện thoại: 024-3843 1848
- Số tài khoản: 9527.1.1104239 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I
- Email:

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

2.1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Do Ông/Bà: làm đại diện

- Chức vụ:
- Tài khoản tiền gửi: mở tại Kho bạc Nhà nước
..... Mã đơn vị quan hệ ngân sách: Tên tài khoản:.....

2.2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Ông/Bà

- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Số thẻ căn cước: cấp ngày tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Điện thoại:
- Email:
- Mã số thuế thu nhập cá nhân:

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài:

“.....”

theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh). Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài: Từ tháng năm đến tháng năm

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Đề tài được thực hiện theo hình thức: Khoán chi từng phần.
2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài là: đồng.
(Bằng chữ: đồng), trong đó:
 - Kinh phí giao khoán từ ngân sách nhà nước: đồng.
(Bằng chữ: đồng).
 - Kinh phí từ nguồn khác: Không có.

3. Tiến độ cấp kinh phí thực hiện theo tiến độ công việc hoàn thành trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Điều kiện về các thủ tục tạm ứng, thanh toán tạm ứng và thanh quyết toán

1. Tạm ứng

Mức tạm ứng kinh phí lần đầu không vượt quá 50% tổng kinh phí của Hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết theo Thuyết minh được phê duyệt. Hồ sơ gồm: (1) *Dự toán tổng kinh phí thực hiện đề tài được duyệt*; (2) *Giấy đề nghị tạm ứng kinh phí*; (3) *Dự toán kinh phí thực hiện đề tài (lần 1)*.

Việc tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo chỉ được thực hiện đối với nhiệm vụ đã thanh toán tối thiểu bằng 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó và chủ nhiệm vụ có báo cáo về kết quả triển khai và các nội dung công việc đã triển khai của các khoản tạm ứng trước đó. Các hồ sơ tạm ứng cần có xác nhận của Bên A.

2. Thanh, quyết toán

2.1. Thanh toán các khoản đã tạm ứng, hồ sơ bao gồm: (1) *Báo cáo bằng văn bản nêu rõ nội dung công việc triển khai*; (2) *Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện và các khoản thực chi*; (3) *Chứng từ có liên quan về khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng, cụ thể:*

- *Chứng từ chi trả thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Bảng kê chi trả thù lao; Chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận tiền; Các hợp đồng thuê khoán chuyên môn và biên bản bàn giao, thanh lý Hợp đồng;*

- *Chứng từ chi trả tiền thù lao hội thảo (nếu có): Gồm bảng kê danh sách, số tiền thực chi cho từng người có chữ ký của người nhận tiền được chủ nhiệm vụ và thủ trưởng tổ chức chủ trì ký xác nhận; các báo cáo khoa học được nhận thù lao báo cáo; chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận thù lao báo cáo;*

- *Đối với các khoản chi mua sắm tài sản cố định, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công tác phí ngoài nước và các khoản chi khác liên quan (nếu có): Chứng từ quyết toán theo quy định hiện hành;*

- *Chứng từ chi trả tiền công chuyên gia (nếu có): Hợp đồng thuê chuyên gia; Biên bản thanh lý Hợp đồng, các sản phẩm theo Hợp đồng thuê chuyên gia, chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận tiền;*

- *Các sản phẩm trung gian theo Thuyết minh của Đề tài.*

Các hồ sơ thanh toán tạm ứng cần có xác nhận của Bên A.

2.2. Quyết toán kinh phí và tiến hành thanh lý hợp đồng sau khi Bên B hoàn thiện các hồ sơ chứng từ theo yêu cầu như trên và hoàn thiện đề tài theo kết luận của Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ và nộp sản phẩm hoàn thiện cho Bên A. Đề tài được quyết toán sau khi đã hoàn thành và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Các hồ sơ thanh, quyết toán cần có xác nhận của Bên A.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1.1. Quyền của Bên A

1.1.1. Sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

1.1.2. Thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao.

1.1.3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh.

1.1.4. Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài sau khi được nghiệm thu.

1.2. Nghĩa vụ của Bên A

1.2.1. Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt.

1.2.2. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh và yêu cầu hoàn thiện thủ tục thanh toán kinh phí đợt tạm ứng trước để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng (nếu có).

1.2.3. Tạm ứng và thanh quyết toán cho Bên B theo tiến độ.

1.2.4. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B.

1.2.5. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

1.2.6. Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

1.2.7. Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài (nếu có) theo quy định.

1.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

2.1. Quyền của Bên B

2.1.1. Là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ và được hưởng quyền tác giả theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.1.2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả.

- Các chi phí trong dự toán có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành về chế độ khoán kinh phí của Đề tài khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chủ nhiệm Đề tài thực hiện các thủ tục tạm ứng, thanh quyết toán theo tiến độ và sau khi Đề tài được nghiệm thu để Bên A làm cơ sở quyết toán theo chế độ tài chính hiện hành.

2.1.3. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh về tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, tiến độ và thời hạn thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết bằng văn bản gửi Bên A (trình bày rõ lý do điều chỉnh). Trường hợp xin gia hạn, Bên B phải có Đơn đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ (có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan chủ trì nhiệm vụ) gửi Bên A ít nhất 30 ngày làm việc trước khi kết thúc Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ được điều chỉnh thời gian thực hiện 01 lần, tối đa 03 tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thời gian thực hiện từ 12 tháng trở xuống, tối đa 06 tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thời gian thực hiện trên 12 tháng. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

2.2. Nghĩa vụ của Bên B

2.2.1. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng.

2.2.2. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ theo Thuyết minh.

Trong vòng 01 tháng kể từ ngày Bên A tổ chức giao nhiệm vụ cho Bên B theo Quyết định giao nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bên B có trách nhiệm nộp toàn bộ Hồ sơ tạm ứng kinh phí về cho Bên A.

Trong vòng 06 tháng kể từ ngày Bên A tổ chức giao nhiệm vụ cho Bên B theo Quyết định giao nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bên B có trách nhiệm nộp toàn bộ Hồ sơ thanh toán tạm ứng về cho Bên A.

2.2.3. Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm, kết quả cuối cùng theo Thuyết minh đã được phê duyệt.

Lần 1: Nộp sản phẩm đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp Bộ trong thời hạn 30 ngày làm việc trước thời điểm kết thúc Hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn Hợp đồng (nếu có). Hồ sơ gồm: (1) Báo cáo tổng hợp đề tài; (2) Báo cáo tóm tắt đề tài; (3) Báo cáo chất lượng và kiến nghị; (4) Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở (Quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; Biên bản họp Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; Phiếu nhận xét của các ủy viên phản biện và ủy viên Hội đồng); (5) Bài viết về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế - tài chính có ISSN và được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm.

Lần 2: Hoàn thiện đề tài theo kết luận của Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và nộp lại cho Bên A sản phẩm hoàn thiện (cả bản cứng và file mềm) trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ, bao gồm: (1) Báo cáo tổng hợp đề tài; (2) Báo cáo tóm tắt đề tài; (3) Báo cáo chất lượng và kiến nghị; (4) Báo cáo về việc hoàn thiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và hai bên tiến hành làm thủ tục quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

2.2.4. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng; Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật.

2.2.5. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

2.2.6. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có).

2.2.7. Thực hiện đăng ký, giao nộp, công bố kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo quy định.

2.2.8. Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài.

2.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản liên quan.

Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã được nghiệm thu và hoàn thiện các sản phẩm sau nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp

tục thực hiện do:

5.1. Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;

5.2. Không giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

1.1. Đề tài đã kết thúc và được Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu đồng ý nghiệm thu xếp loại “Đạt” thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

1.2. Đề tài đã kết thúc, nhưng Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu đánh giá “Không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng và hoàn trả một phần số kinh phí ngân sách nhà nước được cấp nhưng đã sử dụng (số kinh phí hoàn trả được xác định dựa trên kết luận của Hội đồng Tư vấn chấm dứt Hợp đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ).

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

2.1. Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì việc xử lý tài chính được thực hiện như quy định tại Tiết 1.2, Khoản 1, Điều 7 của Hợp đồng này.

2.2. Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng và hoàn trả một phần số kinh phí ngân sách nhà nước được cấp đã sử dụng (số kinh phí hoàn trả được xác định dựa trên kết luận của Hội đồng Tư vấn chấm dứt Hợp đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ).

4. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

5. Các chủ nhiệm không hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu có trách nhiệm hoàn trả kinh phí trong vòng 60 ngày làm việc kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước. Chủ nhiệm nhiệm vụ chưa hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 8. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý.

Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Hai bên thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)